

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2026-ĐỢT CHÍNH THỨC

(Kèm theo Quyết định số: 599/QĐ-CDVHNT ngày 20 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An)

Nghành/Nghề: Biểu diễn nhạc cụ Truyền thống (6 năm)  
Trình độ: Trung cấp

Đợt TS: 2026 - đợt 1  
Hình thức: Chính quy

Nghệ An, ngày 20 tháng 07 năm 2026

| TT | SBD           | Họ và tên        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh              | Chuyên ngành | KV  | ĐT | Điểm Thăm âm - Tiết tấu | Điểm Chuyên ngành | Điểm ưu tiên ĐT | Điểm ưu tiên KV | Tổng điểm | Trúng tuyển | Ghi chú |
|----|---------------|------------------|-----------|------------|-----------------------|--------------|-----|----|-------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------|---------|
| 1  | TC2026/CT_202 | Dương Gia Bảo    | Nam       | 17/4/2015  | Nghệ An               | Sáo trúc     | KV2 |    | 6.50                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 21.75     | X           |         |
| 2  | TC2026/CT_203 | Lê Thị Bảo Châu  | Nữ        | 04/3/2014  | Nghệ An               | Đàn tranh    | KV2 |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     | X           |         |
| 3  | TC2026/CT_204 | Phạm Minh Đăng   | Nam       | 16/3/2012  | Nghệ An               | Sáo trúc     | KV2 |    | 8.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 4  | TC2026/CT_205 | Phạm Thùy Giang  | Nữ        | 26/11/2015 | Quảng Trị             | Sáo trúc     | KV2 |    | 6.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 20.25     | X           |         |
| 5  | TC2026/CT_206 | Lê Ngọc Hân      | Nữ        | 23/12/2013 | Nghệ An               | Đàn tranh    | KV2 |    | 8.00                    | 8.50              | 0               | 0.25            | 25.25     | X           |         |
| 6  | TC2026/CT_207 | Lê Thị Ngọc Hân  | Nữ        | 17/01/2013 | Nghệ An               | Đàn tranh    | KV2 |    | 6.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 20.25     | X           |         |
| 7  | TC2026/CT_208 | Nguyễn Quang Huy | Nam       | 14/5/2013  | Nghệ An               | Sáo trúc     | KV2 |    | 6.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 8  | TC2026/CT_510 | Nguyễn Mai Khanh | Nữ        | 14/10/2015 | Nghệ An               | Đàn tranh    | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 9  | TC2026/CT_209 | Nguyễn Minh Ngọc | Nữ        | 12/9/2014  | Thành phố Hải Phòng   | Đàn tranh    | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 10 | TC2026/CT_210 | Vân Tuệ Nhi      | Nữ        | 22/5/2014  | Nghệ An               | Đàn tranh    | KV2 |    | 8.00                    | 8.50              | 0               | 0.25            | 25.25     | X           |         |
| 11 | TC2026/CT_211 | Trần Bảo Quyên   | Nữ        | 17/01/2014 | Thành phố Hồ Chí Minh | Đàn tranh    | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |
| 12 | TC2026/CT_212 | Cao Đình Tài     | Nam       | 02/4/2015  | Nghệ An               | Sáo trúc     | KV2 |    | 8.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 23.25     | X           |         |
| 13 | TC2026/CT_213 | Nguyễn Thanh Tâm | Nữ        | 30/01/2014 | Nghệ An               | Đàn tranh    | KV2 |    | 7.00                    | 7.50              | 0               | 0.25            | 22.25     | X           |         |



| TT | SBD           | Họ và tên          | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | KV  | ĐT | Điểm Thâm âm - Tiết tấu | Điểm Chuyên ngành | Điểm ưu tiên ĐT | Điểm ưu tiên KV | Tổng điểm | Trúng tuyển | Ghi chú |
|----|---------------|--------------------|-----------|-----------|----------|--------------|-----|----|-------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------|---------|
| 14 | TC2026/CT_214 | Trương Thị Anh Thư | Nữ        | 17/7/2015 | Nghệ An  | Dàn tranh    | KV2 |    | 8.00                    | 8.00              | 0               | 0.25            | 24.25     | x           |         |
| 15 | TC2026/CT_215 | Nguyễn Bảo Trang   | Nữ        | 17/4/2013 | Nghệ An  | Dàn tranh    | KV2 |    | 6.00                    | 6.50              | 0               | 0.25            | 19.25     | x           |         |
| 16 | TC2026/CT_216 | Hồ Quỳnh Trâm      | Nữ        | 28/5/2015 | Nghệ An  | Dàn tranh    | KV2 |    | 7.00                    | 7.00              | 0               | 0.25            | 21.25     | x           |         |

Ghi chú: Điểm đã nhân hệ số môn Chuyên ngành, Hình họa.

NGƯỜI LẬP BIỂU

*(Signature)*

Nguyễn Thị Hạnh

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

*(Signature)*

Lê Bá Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
CẤP TỈNH



Lê Vũ Anh

